

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020 /QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A, tạm trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đ (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A, tạm trú: Đường NA9, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:

Bà T1 và ông T2 đăng ký kết hôn ngày 08/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh A. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì nảy sinh Nều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, ông T2 tính gia trưởng và không chăm lo cuộc sống gia đình. Bà T1 và ông T2 đã ly thân được khoảng 02 năm, hiện nay cả hai không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà T1 nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Bà T1 và ông T2 có 03 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/7/1997; Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/01/2001 và Nguyễn Thụy Ngọc T3, sinh ngày 06/4/2010. Cháu T3 đã chết năm 2013, cháu Q và cháu N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà cũng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2020, bản tự khai ngày 20/5/2020 và tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/5/2020 ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông và bà T1 là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề tài chính, một phần do ông hay ghen tuông. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không ai thăm nom ai, cuộc sống của ai người đó sống. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn, ông T2 không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Bà T1 và ông T2 có 03 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/01/2001, Nguyễn Thụy Ngọc T3, sinh ngày 06/4/2010, Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/7/1997. Cháu Tuyền đã chết năm 2013, cháu Q và cháu N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T2 không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại biên bản lấy lời khai của ông T2 ngày 20/5/2020, ông T2 trình bày ông đang tạm trú tại nhà trọ Trung Hiếu, đường NA9, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình D và đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn giữa ông và bà T1. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà T1 và ông T2 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh A vào ngày 08/9/2008. Như vậy, hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T1 trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thì đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên hay gây gổ, cãi vã nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, ông T2 quá gia trưởng và không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Bà và ông T2 đã không còn chung sống với nhau từ 02 năm nay.

Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã xảy ra trong một thời gian dài

nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Hiện nay, vợ chồng bà T1, ông T2 đã sống ly thân và cuộc sống của ai người đó lo, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà T1 được ly hôn với ông T2 để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T1 và ông T2 có 03 người con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/01/2001, Nguyễn Thụy Ngọc Tuyền, sinh ngày 06/4/2010 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/7/1997. Cháu Tuyền đã chết năm 2013. Cháu Q và cháu N đã trưởng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2 về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0042919 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T1 đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

